

QUY CHẾ HỌC VỤ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KIM VĂN

Văn bản Công văn số 1150059299 của Bộ Giáo dục lập hồ sơ lưu trữ

Thông báo quan trọng: Đây là văn bản dịch chính thức toàn văn Quy chế học vụ của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Kim Văn (Jinwen University of Science and Technology), bao gồm đầy đủ 85 Điều thuộc 6 Phần. Quy chế này điều chỉnh tất cả các hoạt động liên quan đến học tập, nhập học, bảo lưu, học phí, đánh giá thành tích, tốt nghiệp và kỷ luật sinh viên.

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 (Căn cứ pháp lý và phạm vi áp dụng): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Kim Văn (sau đây gọi tắt là "Trường") xử lý các công việc liên quan đến học tập sinh viên theo Quy chế học vụ này. Quy chế được xây dựng dựa trên Luật Đại học, Quy định chi tiết thi hành Luật Đại học, Luật Cấp bằng học vị và Luật Giáo dục Bình đẳng Giới, nhằm giải quyết các vấn đề về nhập học, nghỉ học, phục học, thôi học, chuyển ngành, giữ lại tư cách nhập học, chuyển trường, đánh giá thành tích, học hè, chọn môn liên trường, xử lý học tập trong thời gian xuất ngoại, tốt nghiệp và các nghiệp vụ học tập khác.

Điều 2 (Lập và lưu trữ Bảng ghi nhận học tập): Trường lập Bảng ghi nhận học tập sinh viên bao gồm: mã số sinh viên, họ tên, số CCCD/hộ chiếu, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch sinh viên nước ngoài, quê quán kiều bào, tư cách nhập học, trình độ học vấn nhập học, thời gian nhập học, khoa/ngành trực thuộc, lịch sử nghỉ học, phục học, chuyển ngành, điểm số các môn học và tín chỉ, ngày tốt nghiệp và học vị được cấp (hoặc kỷ lục thôi học), họ tên địa chỉ người giám hộ, ảnh chụp sinh viên lúc nhập học và tốt nghiệp. Các dữ liệu này được lưu trữ hồ sơ vĩnh viễn.

PHẦN II: BẬC ĐẠI HỌC

Chương 1: Nhập học

Điều 3 (Tuyển sinh công khai): Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức tuyển sinh công khai tân sinh viên cho hệ 4 năm (năm thứ 1), hệ 2 năm (năm thứ 3), chương trình bồi dưỡng đa chuyên môn sau cử nhân, và tuyển sinh chuyển trường. Quy định tuyển sinh được ban hành riêng và báo cáo Bộ Giáo dục phê duyệt.

Điều 4 (Điều kiện nhập học hệ 4 năm): Thí sinh trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh có một trong các tư cách sau được nhập học năm thứ 1 hệ 4 năm: 1. Tốt nghiệp trường THPT công lập hoặc tư lập đã đăng ký hợp pháp; 2. Có trình độ học vấn tương đương theo quy định.

Điều 5 (Điều kiện nhập học hệ 2 năm): Thí sinh trúng tuyển có một trong các tư cách sau được nhập học năm thứ 3 hệ 2 năm: 1. Tốt nghiệp trường cao đẳng trở lên; 2. Có trình độ học vấn tương đương.

Điều 6 (Tuyển sinh chuyển trường): Khi có chỉ tiêu trống, Trường tổ chức thi tuyển sinh chuyển trường. Tuy nhiên, không tuyển sinh chuyển trường vào học kỳ 1 năm thứ 1 hệ 4 năm, học kỳ 1 năm thứ 3 hệ 2 năm và năm học cuối cấp tốt nghiệp.

Điều 7 (Sinh viên quốc tế và chương trình liên kết): Trường tiếp nhận sinh viên nước ngoài, học sinh kiều bào và sinh viên khu vực Đại Lục theo các quy định pháp luật hiện hành. Quy chế tuyển sinh sinh viên nước ngoài và

chương trình cấp song bằng liên kết quốc tế được quy định riêng.

Điều 8 (Thủ tục nhập học và cấm đăng ký song song): Tân sinh viên và sinh viên chuyển trường phải hoàn thành thủ tục nhập học đúng thời hạn quy định. Nếu không được Nhà trường đồng ý, sinh viên không được đăng ký nhập học đồng thời tại hai hệ học cùng cấp ở Trường hoặc trường khác; vi phạm sẽ bị xử lý thôi học.

Điều 9 (Bảo lưu tư cách nhập học): Tân sinh viên không thể nhập học do bệnh nặng, sự cố đặc biệt hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được xin bảo lưu tư cách nhập học 1 năm (không phải nộp phí). Bảo lưu do mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi được cấp tối đa đến khi con đủ 3 tuổi. Bảo lưu theo 'Chương trình Tài khoản Tiết kiệm Giáo dục và Việc làm Thanh niên' tối đa 3 năm. Bảo lưu theo 'Kế hoạch Định hướng Nghề nghiệp Thanh niên' tối đa 2 năm.

Điều 10 (Xử lý giả mạo giấy tờ): Sinh viên bị phát hiện sử dụng giấy tờ giả mạo, mượn danh hoặc tẩy xóa hồ sơ nhập học sẽ bị khai trừ học tịch ngay lập tức và không được cấp bất kỳ chứng nhận học tập nào. Nếu phát hiện sau khi đã tốt nghiệp sẽ bị thu hồi bằng cấp và hủy bỏ tư cách tốt nghiệp.

Chương 2: Đóng phí, Đăng ký và Chọn môn học

Điều 11 (Biểu phí và tiêu chuẩn hoàn phí): Mức học phí và các khoản phí được công bố trước khai giảng. Tiêu chuẩn hoàn phí khi tạm dừng học hoặc thôi học thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục.

Điều 12 (Thời hạn đóng phí và xử lý nợ phí): Sinh viên phải hoàn thành đóng phí đúng hạn. Trường hợp đặc biệt được xin gia hạn đóng phí tối đa đến ngày kết thúc điều chỉnh môn học thủ công. Sinh viên cũ không đóng đủ học phí đúng hạn được cấp phép sẽ không được đăng ký học kỳ tiếp theo và bị xử lý buộc thôi học sau khi được thông báo.

Điều 13 (Quy trình đăng ký môn học): Sinh viên đăng ký môn học theo chương trình khung của khoa, phải được Trưởng khoa phê duyệt và đăng ký tại Phòng Giáo vụ.

Điều 14 (Thêm hủy môn học): Việc thêm hoặc hủy môn học phải thực hiện trong thời hạn quy định. Tự ý đi học môn không đăng ký hợp lệ sẽ nhận 0 điểm và không được công nhận tín chỉ.

Điều 15 (Sinh viên kéo dài thời gian học tập): Sinh viên kéo dài thời hạn học tập phải đăng ký và đóng phí. Sinh viên hệ ngày đăng ký từ 10 tín chỉ trở lên phải đóng đủ học phí và tạp phí như sinh viên chính quy.

Điều 16 (Trùng lịch học và học lặp môn): Sinh viên không được đăng ký các môn trùng giờ học (môn trùng giờ nhận 0 điểm). Môn đã thi đạt hoặc đã được miễn trừ không được học lại để tích lũy thêm tín chỉ.

Điều 17 (Lớp học hè): Trường mở các lớp học hè căn cứ theo nhu cầu thực tế của sinh viên, quy định học hè được ban hành riêng.

Chương 3: Thời gian đào tạo, Tín chỉ và Đánh giá thành tích

Điều 18 (Thời gian học và quy định tín chỉ tốt nghiệp): Hệ 4 năm: Thời gian học 4 năm, tích lũy tối thiểu 128 tín chỉ. Hệ 2 năm: Thời gian học tối thiểu 2 năm, tích lũy tối thiểu 72 tín chỉ. Chương trình sau cử nhân: Học từ 1 đến 4 năm, tích lũy tối thiểu 48 tín chỉ chuyên ngành (sau miễn trừ phải học thực tế tối thiểu 12 tín chỉ). Học sinh tốt nghiệp lớp 11 (tương đương) nhập học phải học thêm 12 tín chỉ tích lũy tốt nghiệp.

Điều 19 (Gia hạn thời gian học tập): Sinh viên chưa tích lũy đủ tín chỉ được gia hạn tối đa 2 năm. Sinh viên khuyết tật được gia hạn tối đa 4 năm. Sinh viên mang thai, sinh con, nuôi con dưới 3 tuổi được gia hạn theo nhu cầu. Sinh viên dự án 30+ được gia hạn tối đa 10 năm.

Điều 20 (Công nhận và miễn trừ tín chỉ): Hạn mức miễn trừ tối đa đối với tân sinh viên là 1/2 tổng số tín chỉ tốt nghiệp; đối với sinh viên chuyển trường là 3/5 tổng số tín chỉ. Sinh viên sau khi miễn trừ phải học thực tế tại Trường ít nhất 1 năm mới được xét tốt nghiệp.

Điều 21 (Nguyên tắc xét miễn trừ môn học): 1. Tên môn học hoặc nội dung bản chất phải tương đương; 2. Tín chỉ môn học nhiều bù môn ít lấy số tín chỉ thấp; tín chỉ môn học ít bù môn nhiều phải đăng ký học bổ sung phần chênh lệch.

Điều 22 (Đơn vị tính tín chỉ): Quy chuẩn 18 giờ giảng dạy lý thuyết bằng 1 tín chỉ. Môn học thực nghiệm hoặc thực hành 2 đến 3 giờ/tuần trong 1 học kỳ bằng 1 tín chỉ.

Điều 23 (Khối lượng tín chỉ mỗi học kỳ): Sinh viên hệ ngày và tại chức đăng ký từ 9 đến 25 tín chỉ/học kỳ (từ 9 đến 16 tín chỉ nếu thực tập toàn thời gian). Sinh viên học kỳ trước có điểm trượt $\geq 1/2$ số tín chỉ có thể bị giảm 2–5 tín chỉ ở kỳ sau. Sinh viên xuất sắc được học vượt tối đa 28 tín chỉ.

Thang điểm %	Thang điểm Chữ	Điểm Điểm GPA	Đánh giá
80 – 100 điểm	Hạng A ()	4.0 điểm	Đạt (Giỏi / Xuất sắc)
70 – 79 điểm	Hạng B ()	3.0 điểm	Đạt (Khá)
60 – 69 điểm	Hạng C ()	2.0 điểm	Đạt (Trung bình)
50 – 59 điểm	Hạng D ()	1.0 điểm	Không đạt (Yếu)
0 – 49 điểm	Hạng E ()	0.0 điểm	Kém (Trượt)

Điều 24 (Thang điểm đánh giá thành tích): Trường áp dụng thang điểm 100%, điểm đạt là 60 điểm. Bảng đối chiếu giữa thang điểm %, thang điểm chữ và điểm GPA được quy định cụ thể như bảng trên.

Điều 25 (Quy định thi bù): Sinh viên vắng thi có lý do chính đáng được phép thi bù 1 lần. Thi bù do công tác, tang lễ thân nhân, thai sản được tính 100% điểm thực tế. Thi bù do việc riêng có điểm >60 thì phần vượt quá 60 được tính 80%.

Điều 26 (Bảo lưu kỳ thi do nhập viện): Sinh viên bị bệnh nặng nhập viện không thể dự thi học kỳ và thi bù được xin xét bảo lưu học kỳ đó.

Điều 27 (Xử lý gian lận thi cử): Hành vi gian lận trong kỳ thi sẽ bị nhận 0 điểm môn đó và chịu kỷ luật tùy mức độ vi phạm.

Điều 28 (Sửa đổi điểm số): Điểm số sau khi giảng viên nộp không được tự ý sửa đổi. Trường hợp đặc biệt phải trình báo cáo lên Hội nghị Giáo vụ và Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 29 (Tỷ lệ cấu thành điểm học kỳ): 1. Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, bài tập, phát biểu): 30%; 2. Thi giữa kỳ: 30%; 3. Thi kết thúc học kỳ: 40%.

Điều 30 (Nộp bảng điểm): Giảng viên tính tổng điểm môn học và nộp bảng điểm cho Phòng Giáo vụ đúng thời hạn quy định.

Điều 31 (Không tổ chức thi lại môn trượt): Môn học bị điểm trượt không được thi lại, sinh viên không được tính tín chỉ và bắt buộc phải học lại đối với các môn bắt buộc.

Điều 32 (Phương pháp tính điểm GPA trung bình): Điểm trung bình học kỳ = (Tổng số tín chỉ từng môn × Điểm số tương ứng) ÷ Tổng số tín chỉ đăng ký học kỳ. Điểm được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điều 33 (Bỏ thi không lý do): Sinh viên tự ý bỏ thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ không lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 cho phần thi đó.

Điều 34 (Điều kiện môn học tiên quyết): Sinh viên chưa học hoặc thi trượt môn tiên quyết không được đăng ký học môn tiếp theo nếu chưa được cho phép.

Chương 4: Xin nghỉ học, Tạm dừng học, Phục học và Buộc thôi học

Điều 35 (Xin nghỉ học): Sinh viên vắng mặt phải làm thủ tục xin nghỉ học theo quy định.

Điều 36 (Cấm thi do nghỉ quá số tiết): Sinh viên nghỉ học môn nào quá 1/3 tổng số tiết học trong kỳ sẽ bị cấm thi học kỳ môn đó và nhận 0 điểm (ngoại trừ lý do thai sản, bệnh nặng có xác nhận hoặc sinh viên khuyết tật).

Điều 37 (Tạm dừng học bắt buộc): Sinh viên có tổng số tiết vắng mặt đạt 1/3 tổng số tiết học của cả học kỳ sẽ bị buộc tạm dừng học tập trong học kỳ đó.

Điều 38 (Tạm dừng học tự nguyện): Sinh viên xin tạm dừng học tự nguyện vì bệnh nặng hoặc lý do cá nhân lớn phải có sự đồng ý của phụ huynh/người giám hộ và hoàn thành thủ tục.

Điều 39 (Thời hạn tạm dừng học tập): Tạm dừng học tích lũy không quá 2 năm (có thể gia hạn thêm 1 năm nếu có lý do đặc biệt). Thời gian nghỉ thai sản, nuôi con dưới 3 tuổi và nghĩa vụ quân sự không tính vào thời hạn tạm dừng học.

Điều 40 (Quản lý trong thời gian tạm dừng học): Sinh viên trong thời gian tạm dừng học vẫn chịu sự điều chỉnh của quy định kỷ luật nhà trường.

Điều 41 (Thủ tục phục học): Sinh viên phải làm thủ tục phục học trước khi hết hạn tạm dừng học để xếp vào đúng khóa/kỳ học tiếp theo.

Điều 42 (Các trường hợp bị buộc thôi học): 1. Quá hạn đăng ký hoặc không phục học đúng hạn; 2. Trượt $\geq 2/3$ số tín chỉ đăng ký trong 2 học kỳ liên tiếp (có ngoại lệ đối với sinh viên khuyết tật, VĐV, con em công tác nước ngoài); 3. Quá thời gian học tập tối đa cho phép; 4. Vi phạm kỷ luật nghiêm trọng; 5. Đăng ký song song hai trường.

Điều 43 (Thu hồi văn bằng do gian lận): Phát hiện gian lận trong hồ sơ nhập học hoặc quá trình học tập sẽ bị hủy bỏ học tịch và thu hồi bằng cấp đã cấp.

Điều 44 (Cấp Giấy chứng nhận hoàn thành học tập): Sinh viên tự xin thôi học hoặc bị buộc thôi học có tích lũy điểm số được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian học (sinh viên bị khai trừ không được cấp).

Chương 5: Chuyển ngành, Bằng đôi và Ngành phụ

Điều 45 (Điều kiện xin chuyển ngành): Sinh viên được xin chuyển ngành đầu mỗi học kỳ (trừ năm 1 hệ 4 năm, kỳ 1 năm 3 hệ 2 năm, năm tốt nghiệp hoặc chuyển giữa hai hệ học khác nhau).

Điều 46 (Hoàn thành chương trình ngành mới): Sinh viên chuyển ngành phải tích lũy đủ tín chỉ bắt buộc và các tiêu chuẩn đánh giá năng lực của ngành mới.

Điều 47 (Môn học phải bổ sung): Danh mục các môn học bổ sung do Trường khoa ngành chuyển đến thẩm định quyết định.

Điều 48 (Học ngành phụ (Minor)): Sinh viên được đăng ký học ngành phụ từ năm thứ 2, phải tích lũy tối thiểu 20 tín chỉ chuyên ngành của khoa phụ (trong đó môn bắt buộc chiếm $\geq 50\%$).

Điều 49 (Học bằng đôi (Double Major)): Sinh viên có điểm trung bình học kỳ trước ≥ 75 điểm hoặc xếp thứ hạng trong top 20% của lớp được đăng ký học chương trình bằng đôi.

Chương 6: Tốt nghiệp

Điều 50 (Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân): Sinh viên hoàn thành đủ tín chỉ và các tiêu chuẩn năng lực đầu ra được cấp bằng Cử nhân. Thời gian trao bằng vào tháng 1 (học kỳ 1) hoặc tháng 6 (học kỳ 2). Sinh viên lớp hợp tác sản học hệ 2 năm tích lũy 80 tín chỉ được xét cấp bằng Cao đẳng.

Điều 51 (Điều kiện tốt nghiệp sớm): Sinh viên xuất sắc được xét tốt nghiệp sớm 1 học kỳ hoặc 1 năm nếu đạt các tiêu chuẩn: 1. Hoàn thành toàn bộ tín chỉ; 2. Điểm trung bình tất cả các kỳ ≥ 80 điểm; 3. Xếp hạng trong top 3 hoặc top 10% của lớp.

Điều 52 (Nghỉ học kỳ 1 năm kéo dài): Sinh viên năm cuối chỉ còn nợ tín chỉ ở học kỳ 2 của năm kéo dài được xin tạm dừng học trong học kỳ 1.

PHẦN III: HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM / ĐẠI HỌC TẠI CHỨC

Điều 53 (Điều kiện dự tuyển hệ tại chức): Thí sinh tốt nghiệp cao đẳng, hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc thực tế phù hợp với ngành học được dự tuyển hệ 2 năm tại chức.

Điều 54 (Giấy xác nhận công tác): Thí sinh trúng tuyển phải nộp Giấy xác nhận đang công tác khi làm thủ tục nhập học.

Điều 55 (Đóng học phí hệ tại chức): Thực hiện đóng học phí theo quy định; học phần hệ tính phí theo tín chỉ.

Điều 56 (Môn Giáo dục Thể chất): Môn Thể dục là bắt buộc đối với sinh viên năm thứ 3 hệ 2 năm tại chức.

Điều 57 (Thời gian đào tạo hệ tại chức): Thời gian học tối thiểu 2 năm, được gia hạn tối đa 2 năm (sinh viên khuyết tật được gia hạn tối đa 4 năm).

Điều 58 (Thời gian giảng dạy và tín chỉ): Lớp học tổ chức vào buổi tối hoặc cuối tuần. Khối lượng học tập từ 9 đến 25 tín chỉ/học kỳ.

Điều 59 (Tín chỉ tốt nghiệp hệ tại chức): Tổng số tín chỉ tốt nghiệp áp dụng như hệ ngày chính quy (trừ môn Thể dục).

Điều 60 (Áp dụng quy định chung): Các vấn đề chưa quy định tại Phần này được áp dụng theo các điều khoản chung của Quy chế.

PHẦN IV: VIỆN CAO HỌC / TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Điều 61 (Điều kiện dự tuyển Cao học): Thí sinh có bằng Cử nhân hoặc trình độ tương đương được dự tuyển chương trình Thạc sĩ chính quy hoặc Thạc sĩ tại chức.

Điều 62 (Thủ tục đóng phí học viên cao học): Thực hiện thủ tục đóng học phí đúng thời hạn theo quy định chung.

Điều 63 (Đăng ký môn học cao học): Việc thêm hủy môn học của học viên cao học phải có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

Điều 64 (Đăng ký đề tài luận văn): Đề tài luận văn thạc sĩ phải được giảng viên hướng dẫn phê duyệt và đăng ký với Phòng Giáo vụ.

Điều 65 (Cấm chuyển đổi hệ đào tạo cao học): Học viên cao học không được chuyển đổi giữa hệ chính quy, hệ tại chức và hệ chuyên ngành công nghiệp.

Điều 66 (Khối lượng tín chỉ cao học): Học viên đăng ký từ 3 đến 13 tín chỉ/học kỳ. Môn học đại học học bổ sung không tính vào GPA cao học.

Điều 67 (Thời gian đào tạo Thạc sĩ): Thời gian học từ 1 đến 4 năm (hệ tại chức được gia hạn thêm tối đa 1 năm nếu chưa hoàn thành luận văn).

Điều 68 (Quy định tín chỉ thạc sĩ): Tổng số tín chỉ tốt nghiệp tối thiểu gồm 24 tín chỉ môn học + 6 tín chỉ luận văn.

Điều 69 (Hạn mức miễn trừ tín chỉ cao học): Miễn trừ tối đa không quá 1/2 tổng số tín chỉ bắt buộc (không gồm luận văn). Sinh viên Kim Văn học môn cao học đạt ≥ 70 điểm được miễn trừ tối đa 2/3 tín chỉ.

Điều 70 (Điểm đạt môn học và điểm tốt nghiệp cao học): Điểm đạt môn học cao học là 70/100 điểm. Không thi lại môn trượt. Điểm tốt nghiệp = 50% GPA môn học + 50% Điểm bảo vệ luận văn.

Điều 71 (Thi bảo vệ luận văn): Kỳ thi đánh giá luận văn thạc sĩ thực hiện theo Quy chế thi học vị Thạc sĩ của Trường.

Điều 72 (Xin nghỉ và kỷ luật học viên): Thực hiện theo các điều khoản tương ứng của Quy chế học vụ.

Điều 73 (Buộc thôi học cao học): Học viên bị buộc thôi học nếu: Quá thời hạn đào tạo; Trượt bảo vệ luận văn lần 2; Tự xin thôi học; Quá hạn phục học.

Điều 74 (Điều kiện tốt nghiệp Thạc sĩ): Tích lũy đủ tín chỉ môn học và bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

Điều 75 (Cấp và thu hồi bằng Thạc sĩ): Bằng Thạc sĩ cấp vào tháng 1 hoặc tháng 6. Thu hồi bằng nếu phát hiện gian lận, đạo văn, mua bán luận văn.

Điều 76 (Áp dụng quy chế chung): Các quy định khác áp dụng theo các điều khoản chung của Quy chế.

PHẦN V: QUẢN LÝ HỒ SƠ HỌC TỊCH

Điều 77 (Căn cứ hồ sơ gốc): Tất cả thông tin học tịch, điểm số, đăng ký, nghỉ học, thôi học căn cứ theo sổ gốc chính thức của Phòng Giáo vụ.

Điều 78 (Chuẩn hóa thông tin cá nhân): Họ tên và ngày sinh của sinh viên phải chính xác theo ghi nhận trên CCCD/Hộ chiếu.

Điều 79 (Thủ tục đính chính thông tin cá nhân): Sinh viên thay đổi họ tên, ngày sinh phải nộp giấy xác nhận hộ tịch chính thức để Phòng Giáo vụ điều chỉnh và đóng dấu đính chính lên văn bằng.

Điều 80 (Quyền khiếu nại của sinh viên): Sinh viên bị quyết định buộc thôi học hoặc khai trừ có quyền nộp đơn khiếu nại theo cơ chế khiếu nại sinh viên. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, sinh viên được đề nghị tiếp tục đi học tạm thời.

PHẦN VI: ĐIỀU KHẢO THI HÀNH

Điều 81 (Học bổng): Sinh viên được nộp đơn xin học bổng theo thông báo của Phòng Công tác Sinh viên.

Điều 82 (Khen thưởng và Kỷ luật): Quy định Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên được ban hành riêng.

Điều 83 (Cơ chế ứng phó sự cố thiên tai thảm họa): Sinh viên gặp sự cố thiên tai thảm họa nghiêm trọng được áp dụng cơ chế học tập linh hoạt về học phí, nghỉ học, thi cử và kéo dài thời gian học tập.

Điều 83-1 (Cơ chế hỗ trợ sinh viên nam thực hiện nghĩa vụ quân sự): Trường áp dụng các biện pháp hỗ trợ học tập linh hoạt cho sinh viên nam hệ 4 năm hoàn thành nghĩa vụ quân sự song song với chương trình học.

Điều 84 (Các điều khoản bổ sung): Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 85 (Hiệu lực thi hành): Quy chế này có hiệu lực sau khi được Hội nghị Công việc Nhà trường thông qua, Hiệu trưởng phê duyệt ký ban hành và báo cáo Bộ Giáo dục lập hồ sơ lưu trữ. Việc sửa đổi quy chế thực hiện theo quy trình tương tự.